SỞ Y TẾ TỈNH GIA LAI
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2810 /QĐ-BVĐKTT

Gia Lai, ngày 28 tháng 9 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Về việc phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất (lần 9) phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026

GIÁM ĐỐC BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM

Căn cứ Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ quy định về quản lý trang thiết bị Y tế; Nghị định số 07/2023/ NĐ- CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 về quản lý trang thiết bị y tế; Nghị định 04/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04 tháng 8 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Công văn 883/SYT-NVD ngày 30 tháng 7 năm 2025 của Sở Y tế tỉnh Gia Lai về việc đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc, vật tư, hóa chất, máy móc, thiết bị y tế phục vụ công tác khám bệnh, chữa bệnh;

Theo đề nghị của khoa Dược và Phòng Tài chính kế toán tại Tờ trình số 01/TTr-KHLCNT ngày 28 tháng 9 năm 2026 về việc trình kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất (lần 9) phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch lựa chọn nhà thầu dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất (lần 9) phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026, với nội dung chi tiết theo phụ lục đính kèm.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. Phòng Tài chính – Kế toán, khoa Dược và các Khoa/ phòng liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Sở Y tế (báo cáo);
- Lãnh đạo BV;
- Lưu: VT, KD, TCKT.

GIÁM ĐỐC

SỞ Y TẾ TỈNH BẾN TRE
BỆNH VIỆN ĐA KHOA TRUNG TÂM

Nguyễn Hoành Cường

PHỤ LỤC KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU

Dự toán mua sắm: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất (lần 9) phục vụ công tác khám, chữa bệnh của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai từ tháng 9/2026 đến tháng 12/2026

(Kèm theo Quyết định số 2810 /QĐ-BVĐKTT ngày 28/9/2026 của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai)

Stt	Tên chủ đầu tư	Tên gói thầu		Giá gói thầu (VND)	Nguồn vốn	Hình thức lựa chọn nhà thầu	Phương thức lựa chọn nhà thầu	Thời gian tổ chức lựa chọn nhà thầu	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu	Loại hợp đồng	Thời gian thực hiện gói thầu	Tùy chọn mua thêm
		Tên gói thầu	Tóm tắt công việc chính của gói thầu									
1	Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai	Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất (lần 9)	Mua sắm 21 mặt hàng vật tư y tế, hóa chất *(Chi tiết tại phụ lục kèm theo)*	**1.654.153.781** đồng *(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng)*	Nguồn quỹ Bảo hiểm y tế, nguồn thu từ dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh và các nguồn thu hợp pháp khác của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai.	Chào giá trực tuyến rút gọn trong nước qua Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia	Một giai đoạn, một túi hồ sơ	30 ngày	Tháng 09/2026	Hợp đồng theo đơn giá cố định.	03 tháng kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực	Không
Tổng giá gói thầu: **1.654.153.781 đồng** *(Bằng chữ: Một tỷ, sáu trăm năm mươi bốn triệu, một trăm năm mươi ba nghìn, bảy trăm tám mươi mốt đồng)*												

**** Ghi chú**: Giá gói thầu nêu trên bao gồm toàn bộ chi phí: Giá bán, thuế VAT, thuế nhập khẩu (nếu có), các chi phí vận chuyển, bốc dỡ và các chi phí khác có liên quan để cung ứng vật tư y tế, hóa chất đến tận kho khoa Dược của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai.*

Phụ lục
DANH MỤC HÀNG HÓA
Gói thầu: Mua sắm bổ sung vật tư y tế, hóa chất (lần 9)

(Kèm theo Quyết định số 2810 /QĐ-BVĐKTT ngày 28 /9/2026 của Bệnh viện Đa khoa Trung tâm tỉnh Gia Lai)

STT	Tên hàng hóa	Tiêu chí kỹ thuật	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá kế hoạch (đã có VAT) (VND)	Thành tiền (VND)
1	Bông ép sọ não	* Chất liệu 100% cotton. * Tốc độ hút nước ≤ 10 giây * Cản quang, vô trùng. * Kích thước: 2cm x7cm x 4 lớp.	Cái	15.000	630	9.450.000
2	Chất kiểm chứng dùng cho xét nghiệm Microalbumin niệu và protein niệu (MALB/UPROT)	* Thành phần: Albumin có nguồn gốc từ con người và protein có nguồn gốc từ động vật trong dung dịch đệm nước. chất bảo quản. * Bộ gồm: 2 mức, mỗi mức 1 lọ ≥ 3ml * Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa AU 480	Bộ	4	1.356.600	5.426.400
3	Dung dịch kiểm tra chất lượng xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu	* Thành phần: nước tiểu người được thêm vào các tế bào hồng cầu và bạch cầu người đã ổn định, urate vô định hình và tinh thể. phosphate, và các hợp chất khác. Trạng thái: dạng dung dịch, sẵn sàng để sử dụng * Bộ gồm 2 mức, mỗi mức 1 lọ ≥ 120ml * Phù hợp với máy xét nghiệm nước tiểu 12 thông số Cobas U 601	Bộ	2	6.301.890	12.603.780
4	Dung Dịch rửa hệ thống	* Thành phần: Baypur CX 100; Sodium Hydroxide 1 - 2%; Genapol X080 1 - 2%; Sulfonic acids, C14-17-sec-alkane, muối natri 1 - 5%. * Can ≥ 5 Lít * Phù hợp với máy xét nghiệm sinh hóa AU 480	Can	9	3.646.755	32.820.795
5	Dung dịch rửa trước phản ứng	* Thành phần: Đệm phosphate 10 mmol/l; natri chloride 20 mmol/l; chất tẩy ≤ 0,1 %; chất bảo quản; pH 7,0. * Chai ≥ 600ml * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Chai	60	254.400	15.264.000

6	Gel KY	* Thành phần chính: nước cất, propylen, glycol, hydroxyl ethyl cellulose, glycerin, sodium benzozte * Tuýp ≥ 82g	Tuýp	400	54.000	21.600.000
7	Giấy điện tim loại 6 cần	* Kích thước cuộn: 110mm x 20m. * Chất liệu: Làm từ bột giấy.	Cuộn	300	36.000	10.800.000
8	Khuôn nhựa đúc bệnh phẩm	* Chất liệu: Nhựa dùng trong y tế	Cái	10.000	2.100	21.000.000
9	Phim X-Quang y tế	Tương thích máy in kỹ thuật số Drypro model 832, 873. - Kích thước: 35cm x 43cm (14inch x 17inch) - Thành phần chính: polyethylene terephthalate (PET) 85% - 95%, Polymers 1% - 10%, Organic silver 1% - 10%, Gelatine 1% - 10%, Additives 0,1% - 15%, silver halides 0,05% - 1%	Tấm	22.000	40.346,0675	887.613.485
10	Thuốc thử xét nghiệm Cortisol	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 100 xét nghiệm gồm: - 1 chai, ≥ 6,5 ml chứa Vi hạt phủ Streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản - 1 chai, ≥ 10 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng cortisol đánh dấu biotin (cừu) 20 ng/ml; danazol 20 µg/ml; đệm MESb) 100 mmol/l, pH 6,0;chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 10 ml chứa Dẫn xuất cortisol (tổng hợp), đánh dấu phức hợp ruthenium 20 ng/ml; danazol 20 µg/ml; đệm MES 100 mmol/l, pH 6,0; chất bảo quản. * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	8	3.965.031	31.720.248
11	Thuốc thử xét nghiệm HCG+beta	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 100 xét nghiệm gồm: - 1 chai, ≥ 6,5 ml chứa Vi hạt phủ Streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 9 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng hCG đánh dấu biotin (chuột) 2,6 mg/l; đệm phosphate 40 mmol/l, pH 7,5; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 10 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng hCG (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 4,6 mg/l; đệm phosphate 40 mmol/l, pH 6,5; chất bảo quản. * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	30	4.038.500	121.155.000

12	Thuốc thử xét nghiệm HE4	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 100 xét nghiệm gồm: - 1 chai, ≥ 6,5 ml chứa Vi hạt phủ Streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 10 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng HE4 đánh dấu biotin (chuột) 0,75 mg/l; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 6,5; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 10 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng HE4 (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 1,5 mg/l; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 7,4; chất bảo quản. * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	2	17.640.000	35.280.000
13	Thuốc thử xét nghiệm PCT	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 100 xét nghiệm gồm - 1 chai, ≥ 6,5 ml chứa Vi hạt phủ streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 9 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng PCT đánh dấu biotin (chuột) 2,0 µg/ml; đệm phosphate 95 mmol/l, pH 7,5; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 9 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng PCT (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 5,6 µg/ml; đệm phosphate 95 mmol/l, pH 7,5; chất bảo quản. - Mẫu chuẩn PCT 1 gồm 1 chai (đông khô) 4 ml: PCT (tái tổ hợp) khoảng 0,10 ng/ml trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản. - Mẫu chuẩn PCT 2 gồm 1 chai (đông khô) ≥ 4 ml: PCT (tái tổ hợp) khoảng 54 ng/ml trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản. - Mẫu chứng PCT 1 gồm 2 chai (đông khô) mỗi chai pha ≥ 4 ml: PCT (tái tổ hợp) khoảng 0,50 ng/ml trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản. - Mẫu chứng PCT 2 gồm 2 chai (đông khô) mỗi chai pha ≥ 4 ml: PCT (tái tổ hợp) khoảng 10 ng/ml trong hỗn hợp huyết thanh người; chất bảo quản. * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	12	19.580.400	234.964.800

14	Thuốc thử xét nghiệm PSA	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 100 xét nghiệm gồm:- 1 chai, ≥ 6,5 ml chứa Vi hạt phủ Streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản.- 1 chai, ≥ 10 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng PSA đánh dấu biotin (chuột) 1,5 mg/l; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 6,0; chất bảo quản.- 1 chai, ≥ 10 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng PSA (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 1,0 mg/l; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 6,0; chất bảo quản.* Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	5	6.118.875	30.594.375
15	Thuốc thử xét nghiệm T3	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 200 xét nghiệm gồm: - 1 chai, ≥ 12 ml chứa Vi hạt phủ streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 16 ml chứa Kháng thể đa dòng kháng T3 (cừu) đánh dấu phức hợp ruthenium 75 ng/ml; ANS 0,8 mg/ml; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 7,4; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 16 ml chứa T3 đánh dấu biotin 3 ng/ml; ANS 0,8 mg/ml; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 7,4; chất bảo quản. * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	8	5.384.610	43.076.880
16	Thuốc thử xét nghiệm Troponin T hs	* Bộ thuốc thử dùng thực hiện được 200 xét nghiệm gồm: - 1 chai, ≥ 12 ml chứa Vi hạt phủ Streptavidin 0,72 mg/ml; chất bảo quản. - 1 chai, ≥ 14 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim đánh dấu biotin (chuột) 2,5 mg/l; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 6,0; chất bảo quản; chất ức chế. - 1 chai, ≥ 14 ml chứa Kháng thể đơn dòng kháng troponin T tim (chuột) đánh dấu phức hợp ruthenium 2,5 mg/l; đệm phosphate 100 mmol/l, pH 6,0; chất bảo quản. * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	10	9.240.000	92.400.000

17	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Cardiac	* Thành phần: CK-MB (người), Digitoxin, Digoxin, Myoglobin (người), NT-proBNP 1-76 (tổng hợp), GDF-15 * Bộ gồm 1 chai ≥ 2 ml (huyết thanh chứng 1) + 1 chai ≥ 2 ml (huyết thanh chứng 2) * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	10	799.125	7.991.250
18	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm HE4	* Thành phần: HE4 (người, từ dòng tế bào OvCar-3) ở hai khoảng nồng độ (khoảng 50 pmol/l và khoảng 400 pmol/l) trong huyết thanh người; chất bảo quản * Bộ gồm 1 chai ≥ 1 ml (huyết thanh chứng 1) + 1 chai ≥ 1 ml (huyết thanh chứng 2) * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	4	2.205.000	8.820.000
19	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm kháng thể kháng Tg (Thyroglobulin)	* Thành phần: - Huyết thanh chứng 1: Kháng thể kháng TSHR (người) khoảng 4 IU/l; Kháng thể kháng TPO (cừu): khoảng 35 IU/l; Kháng thể kháng Tg (cừu): khoảng 100 IU/l - Huyết thanh chứng 2: Kháng thể kháng TSHR (người) khoảng 16 IU/l; Kháng thể kháng TPO (cừu): khoảng 100 IU/l; Kháng thể kháng Tg (cừu): khoảng 200 IU/l * Bộ gồm 1 chai ≥ 2 ml (huyết thanh chứng 1) + 1 chai ≥ 2 ml (huyết thanh chứng 2) * Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	4	3.854.892	15.419.568
20	Vật liệu kiểm soát xét nghiệm Troponin T hs	* Thành phần: Troponin T (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 30 ng/l hoặc pg/ml và khoảng 2500 ng/l hoặc pg/ml) và troponin I (tái tổ hợp, người) với hai khoảng nồng độ (khoảng 0,75 µg/l hoặc ng/ml và khoảng 18 µg/l hoặc ng/ml) trong huyết thanh người. * Bộ gồm 1 chai ≥ 2 ml (huyết thanh chứng 1) + 1 chai ≥ 2 ml (huyết thanh chứng 2)* Phù hợp máy xét nghiệm COBAS e 601	Bộ	10	441.000	4.410.000

21	Vật liệu nút mạch lỏng, dạng đông cứng nhanh	* Là keo sinh học, nút mạch. * Thành phần: Keo sinh học N - butyl - 2 - cyano acrylat * Phù hợp để pha với dung dịch dầu Lipiodol, đông cứng nhanh khi gặp máu. * Chất chống dính là dung dịch dạng Glucose. * Đạt tiêu chuẩn CE (Châu Âu) hoặc FDA (Cục quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ)	Ống	40	293.580	11.743.200
	Danh mục gồm 21 mặt hàng			**Tổng giá trị:**		**1.654.153.781**